

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

NGHỊ ĐỊNH số 270-TTg ngày 31-5-1958
quy định chế độ lương cho khu vực
hành chính, sự nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chiếu nghị định số 650-TTg ngày 30 tháng 12 năm 1955 đặt các thang lương của cán bộ, công nhân và viên chức các cơ quan và xí nghiệp Nhà nước;

Căn cứ nghị quyết Hội đồng Chính phủ họp ngày 17, 18 tháng 3 năm 1958 ấn định các nguyên tắc, yêu cầu và phương châm cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương trong năm 1958 cho cán bộ, công nhân và viên chức các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước;

Chiếu nghị định số 182-TTg ngày 7 tháng 4 năm 1958 quy định chế độ lương cho khu vực sản xuất;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Đề đạt 3 mục đích:

a) Cải thiện một phần đời sống cho cán bộ, công nhân, viên chức, khuyến khích mọi người ra sức đẩy mạnh sản xuất và công tác, phấn đấu thực hiện kế hoạch Nhà nước;

b) Căn bản thống nhất chế độ lương, giảm bớt tính chất bình quân và những điểm không hợp lý trong chế độ tiền lương hiện hành, dần dần thực hiện chế độ tiền lương xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc phân phối theo lao động;

c) Bước đầu kế hoạch hóa quỹ tiền lương, lập quỹ lương riêng, quỹ xã hội riêng, tiến tới quản lý chặt chẽ quỹ lương;

Nay quy định chế độ lương cho khu vực hành chính, sự nghiệp như sau.

Điều 2. — Nay đặt năm thang lương sau đây:

1) Thang lương 21 bậc để sắp xếp cán bộ, nhân viên hiện đang công tác ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp từ trung ương đến huyện.

2) Thang lương 16 bậc để sắp xếp cán bộ, nhân viên chuyên môn ngành giáo dục.

3) Thang lương 16 bậc để sắp xếp cán bộ, nhân viên chuyên môn ngành y tế.

4) Thang lương 12 bậc để sắp xếp cán bộ, nhân viên phiên dịch.

5) Thang lương 8 bậc để sắp xếp công nhân công tác ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

Thang lương để sắp xếp các diễn viên văn công sẽ do Bộ Văn hóa, dựa vào thang lương 21 bậc trên đây, ấn định sau khi được Bộ Nội vụ đồng ý và được Ban Lương thông qua.

Điều 3. — Lương thấp nhất định là 27.300 đồng một tháng.

Lương cao nhất của thang lương 21 bậc gấp 7, 3 lần lương thấp nhất.

Lương cao nhất của thang lương 16 bậc ngành y tế gấp 5,1 lần lương thấp nhất.

Lương cao nhất của thang lương 16 bậc ngành giáo dục gấp 5,2 lần lương thấp nhất.

Lương cao nhất của thang lương 12 bậc của cán bộ phụ trách và nhân viên phiên dịch gấp 4,1 lần lương thấp nhất.

Lương cao nhất của thang lương 8 bậc của công nhân cơ quan gấp 2,5 lần lương thấp nhất.

Điều 4. — Những điều sau đây trong nghị định số 182-TTg ngày 7 tháng 4 năm 1958 quy định chế độ tiền lương cho khu vực sản xuất cũng áp dụng đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp kể từ ngày thi hành nghị định này:

— Điều 7 về phụ cấp khu vực;

— Điều 9 về việc bỏ khoản phụ cấp kỹ thuật;

— Điều 10 về việc bỏ dần chế độ bán cung cấp;

— Điều 11 về việc thành lập quỹ xã hội;

— Điều 12 về việc bỏ chế độ phụ cấp con hiếu hạnh và đặt khoản trợ cấp 5.000 đồng một tháng cho mỗi con chưa quá 16 tuổi kể từ con thứ ba;

— Điều 16 về việc những người lĩnh lương mới mà mức lương thấp hơn lương hiện lĩnh được hưởng khoản phụ cấp chênh lệch.

Điều 5. — Nghị định này thi hành kể từ 1 tháng 5 năm 1958 đối với cán bộ, công nhân, viên chức hiện đang công tác ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

Công chức lưu dụng mà mức lương hiện nay thấp hơn hoặc ngang với mức lương ở thang lương mới thì sẽ xếp dần vào các thang lương ban hành theo nghị định này.

Điều 6. — Bộ Nội vụ sẽ hướng dẫn việc sắp xếp cho cán bộ, công nhân, viên chức hiện đang công tác ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo các thang lương quy định trong nghị định này.

Điều 7. — Nghị định số 650-TTg ngày 30-12-1956 và nghị định số 747-TTg ngày 23-4-1956 ban hành các thang lương 17 bậc, 11 bậc của các ngành y tế, văn hóa, giáo dục không áp dụng nữa kể từ ngày thi hành nghị định này.

Điều 8. — Các ông Bộ trưởng và các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 31 tháng 5 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

THANG LƯƠNG CÁN BỘ PHỤ TRÁCH VÀ NHÂN VIÊN PHIÊN DỊCH

(Ban hành theo nghị định số 270-TTg ngày 31 tháng 5 năm 1958)

BẬC	MỨC LƯƠNG	KHUNG BẬC	
12	114.000đ	Phiên dịch độc lập công tác các bộ môn.	
11	103.000		
10	93.000		
9	83.000		
8	73.000		
7	65.000		
6	58.000		
5	52.000		
4	47.000		
3	42.000		Phiên dịch những vấn đề thuộc về sinh hoạt và công tác thông thường.
2	37.000		
1	33.000		

THANG LƯƠNG CÔNG NHÂN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(Ban hành theo nghị định số 270-TTg ngày 31 tháng 5 năm 1958)

BẬC	MỨC LƯƠNG	KHUNG BẬC				
8	70.000đ	Lái xe và phụ lái xe			Những người nấu ăn và phục vụ trong các khách sạn.	
7	62.000					
6	54.000		Thợ điện, thợ sửa chữa.	Thợ nề, thợ mộc.		
5	47.000					
4	41.000					Trồng cây
3	36.000		Thợ ấn loát			
2	33.000					
1	30.000					

09668404

Tel: +84-8-3845 6684

LAWSON

THANG LƯƠNG CÁN BỘ NH VIÊN

(BAN HÀNH THEO NGHỊ ĐỊNH 90-TTg NGÀY

BẬC	MỨC LƯƠNG	KHUNG BẬC QUY ĐỊNH CHO CÁC CÔNG VỤ Ở			
21	200.000đ	Chánh phủ			21
20	186.000	Trung ương, Ban			20
19	173.000	Thường trực Quốc hội			19
18	160.000				18
17	148.000				17
16	136.000	UBHC Liên Khu, khu, Thành phố Hà-nội, Hải-phong			16
15	124.000				15
14	113.000		UBHC tỉnh		14
13	102.000				13
12	92.000				12
11	82.000		UBHC thị xã Nam-định, Khu vực Vĩnh-linh		11
10	72.000				10
9	64.000				9
8	56.000		UBHC huyện, châu, quận		8
7	50.000				7
6	45.000				6
5	40.000				5
4	36.000				4
3	33.000				3
2	30.000				2
1	27.300				1

UBKHNN, (1) Ban Thanh tra Chính phủ, Ban Thống nhất, Ủy ban dân tộc. Chánh phủ chủ nhiệm Văn phòng Nội chính, Văn giao, Kinh tế Tài chính Thủ tướng phủ, Chánh phủ Văn phòng, Thủ tướng phủ.

Chánh phủ Giám đốc Nha, Sở, Vụ, Cục trực thuộc Thủ tướng phủ. Chánh phủ Giám đốc Nha, Sở, Vụ, Cục, trực thuộc Bộ, Ban, Chánh văn phòng Bộ, Ban.

Trưởng phòng nghiên cứu, nghiệp vụ Bộ Nha, Sở, Vụ, Cục trực thuộc Thủ tướng phủ, trực thuộc các Bộ, các Ban.

Chánh phủ Giám đốc các ngân cấp Khu Thành phố Chánh phủ Văn phòng UBHC Khu, Thành phố

Chánh phủ Giám đốc các ngân cấp Khu Thành phố Chánh phủ Văn phòng UBHC Khu, Thành phố

CƯỚC CHỦ: Những chức vụ quy định trong thang lương này là những chức vụ cho các cấp, các những chức vụ chưa quy định thì các Bộ sẽ quy định cụ thể sau khi Bộ Nội vụ đồng (1): Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684

NHÂN VIÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(H. SỐ 70-TT, NGÀY 31 THÁNG 5 NĂM 1958)

C. CHỨC VỤ Ở TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

											21	
											20	
											19	
											18	
											17	
											16	
											15	
											15	
											14	
											13	
											12	
											11	
											10	
											9	
											8	
											7	
											6	
											5	
											4	
											3	
											2	
											1	
ở phòng đầu, Bộ Vụ, huộc phủ, các Ban.	Chánh phủ Giám đốc các ngành cấp Khu, Thành phố, Chánh phủ văn phòng UBHC Khu, Thành phố	Trưởng phó fòng nghiên cứu, nghiệp vụ của UBHC khu, Thành phố, các cơ quan cấp khu	Trưởng phó Ty các ngành cấp tỉnh. Chánh văn phòng UBHC lĩnh	Trưởng phó phòng nghiệp vụ của UBHC lĩnh, các ngành ở tỉnh	Cán bộ nhân viên nghiên cứu, Cán bộ nhân viên nghiệp vụ ở các cơ quan trung ương	Cán bộ nhân viên nghiên cứu, Cán bộ nhân viên nghiệp vụ ở các cơ quan khu	Cán bộ nhân viên nghiên cứu, Cán bộ nhân viên nghiệp vụ ở các cơ quan huyện, lĩnh	Cán bộ nhân viên hành chính, đánh máy ở các cơ quan trung ương, khu, lĩnh, huyện, châu, quận	Kế toán hành chính, Quản lý ở các cơ quan trung ương, khu, lĩnh, huyện, châu, quận	Nhân viên phụ trách công văn đi đến, điện thủ kho, ở các cơ quan trung ương, khu, tỉnh, huyện, châu, quận	Giữ trẻ, cấp dưỡng tập đoàn, gác cơ quan ở trung ương, khu, tỉnh, huyện, châu, quận	

vụ chuyên môn cấp, các ngành, còn
tu khi đủ Bộ Nội vụ đồng ý.

THANG LƯƠNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CHUYÊN MÔN NGÀNH GIÁO DỤC
(Ban hành theo nghị định số 270-TTg ngày 31 tháng 5 năm 1958)

BẬC	MỨC LƯƠNG	KHUNG BẬC					
16	143.000,đ	Giáo sư, Giảng viên	Phụ giảng	Trợ lý	Giáo viên cấp III	Giáo viên cấp II	Giáo viên cấp I
15	131.000						
14	119.000						
13	108.000						
12	98.000						
11	90.000						
10	82.000						
9	75.000						
8	68.000						
7	61.000						
6	54.000						
5	47.000						
4	42.000						
3	37.000						
2	33.000						
1	30.000						

THANG LƯƠNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CHUYÊN MÔN NGÀNH Y TẾ
(Ban hành theo nghị định số 270-TTg ngày 31 tháng 5 năm 1958)

BẬC	MỨC LƯƠNG	KHUNG BẬC			
16	141.000,đ	Bác sĩ, Được sĩ cao cấp, Nha sĩ, Y sĩ cao cấp	Được sĩ, Y sĩ, Nha sĩ trung cấp	Y tá, Được tá	Hộ lý
15	129.000				
14	118.000				
13	107.000				
12	97.000				
11	89.000				
10	82.000				
9	75.000				
8	68.000				
7	61.000				
6	54.000				
5	47.000				
4	42.000				
3	37.000				
2	33.000				
1	30.000				

09668402
3845 668